

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3460/STC-NS

Sóc Trăng, ngày 08 tháng 8 năm 2023

V/v lập dự toán thu, chi NSNN
năm 2024 và kế hoạch tài chính
– ngân sách nhà nước 03 năm
2024 - 2026, tỉnh Sóc Trăng

Kính gửi:

- Thủ trưởng các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Cục Thuế;
- Chi cục Hải quan Sóc Trăng;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố,
tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu ngân sách của các cấp ngân sách thuộc chính quyền địa phương, tỉnh Sóc Trăng giai đoạn ổn định 2022 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương, tỉnh Sóc Trăng giai đoạn ổn định 2022 - 2025.

Sở Tài chính đề nghị các các sở, ban, ngành, các cơ quan Đảng, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026 theo Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính. Trong đó, cần chú ý một số nội dung sau:

A. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2023.

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN.

1. Nguyên tắc đánh giá

Thực hiện đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản pháp luật về thuế, phí và lệ phí; không đánh giá vào thu NSNN các khoản thu phí đã chuyển

sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và lệ phí, các khoản được khấu trừ đối với cơ quan nhà nước hoặc khoản trích lại phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện.

Căn cứ kết quả thu NSNN 6 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện 6 tháng cuối năm 2023, trong đó tập trung làm rõ những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến thu NSNN, kiến nghị các giải pháp điều hành nhằm phấn đấu thực hiện đạt và vượt dự toán NSNN năm 2023 đã được Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2023.

a) Đánh giá, phân tích các tác động, nguyên nhân ảnh hưởng đến tăng, giảm thu ngân sách nhà nước năm 2023, chi tiết từng lĩnh vực cụ thể, trong đó cần làm rõ:

- Các yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong từng lĩnh vực; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu trên địa bàn; tác động của biến động giá dầu thô, nguyên nhiên vật liệu đầu vào, lương thực, giá cả vật tư là đầu vào của sản xuất nông nghiệp và hàng hóa nông sản khác, biến động trên thị trường bất động sản; các dự án đã hết thời gian ưu đãi thuế và khả năng triển khai các dự án đầu tư mở rộng, đầu tư mới.

- Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu; gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2023 theo Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ; thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Công tác đôn đốc, thu hồi nợ đọng thuế trong 6 tháng đầu năm 2023; dự kiến kết quả thu hồi nợ đọng thuế trong các tháng cuối năm 2023 (so với chỉ tiêu, kế hoạch được giao - nếu có) và ước tổng số tiền thuế nợ đến ngày 31 tháng 12 năm 2023. Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra và quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

c) Đánh giá tình hình thu ngân sách:

- Từ xử lý tài sản công theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn.

- Thu ngân sách từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) theo pháp luật về đất đai.

- Thu ngân sách từ xử lý, sắp xếp nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và quy định pháp luật có liên quan.

- Tình hình thu ngân sách từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, thu NSNN từ giao quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý theo phương thức không tính thành vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan).

- Thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

d) Đánh giá kết quả thực hiện thu phí, lệ phí, trong đó làm rõ: số thu phí, lệ phí theo quy định trong năm 2023; số thu phí nộp NSNN; thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2023.

đ) Tình hình thực hiện thu viện trợ 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2023.

II. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển năm 2023:

1. Đánh giá việc triển khai và tổ chức thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển (ĐTPT) năm 2023 (không bao gồm nhiệm vụ tín dụng, chương trình mục tiêu quốc gia).

a) Đối với dự toán chi ĐTPT hằng năm thuộc phạm vi Luật Đầu tư công (không bao gồm nhiệm vụ thực hiện theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP).

* Chi ĐTPT các chương trình, dự án.

- Tình hình phân bổ và giao, điều chỉnh, bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2023, chi tiết theo từng lĩnh vực chi, gồm:

+ Thời hạn phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư.

+ Kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 thuộc nguồn NSNN theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật Đầu tư công; khó khăn, vướng mắc, kiến nghị điều chỉnh cơ chế, chính sách và trong tổ chức thực hiện.

- Tình hình thực hiện dự toán chi ĐTPT chương trình, dự án nguồn NSNN năm 2023 (bao gồm cả chuyển nguồn từ các năm trước sang năm 2023 theo quy định), chi tiết theo từng lĩnh vực chi, gồm:

+ Các chương trình, dự án đầu tư công: Việc giải ngân vốn đến hết tháng 6 năm 2023, báo cáo dự kiến khả năng thực hiện đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2024; chi tiết theo từng nguồn vốn nguồn NSDP (chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết, chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP); nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP từ nguồn vốn

trong nước, nguồn vốn ngoài nước (gồm vốn vay và viện trợ không hoàn lại); trong đó tập trung đánh giá các nội dung:

Đối với chi ĐTPT từ nguồn tiền thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền và chuyển mục đích sử dụng đất: tình hình thu, nộp ngân sách và việc thực hiện dự toán chi ĐTPT năm 2023 từ nguồn thu này.

Đánh giá tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 nguồn NSNN theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật Đầu tư công và thu hồi vốn ứng đến ngày 31 tháng 12 năm 2022; ước số xử lý trong năm 2023; dự kiến số nợ xây dựng cơ bản, số ứng chưa có nguồn thu hồi đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 (chi tiết từng dự án).

- Chi ĐTPT theo hình thức hợp tác công tư quy định tại Nghị định số 69/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao; khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân, kiến nghị.

- Đánh giá tác động đến NSNN của việc chuyển đổi các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư sang phương thức đầu tư công và tác động đến NSNN (nếu có), việc bổ sung dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN năm 2023 (nếu có)

- Bội chi ngân sách địa phương năm 2023 và tình hình đầu tư từ nguồn bội chi này (nếu có).

- Đánh giá việc sử dụng số tăng thu, tiết kiệm chi của NSĐP cho đầu tư phát triển.

- Tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và số vốn đầu tư công còn lại chưa được bố trí để thanh toán so với giá trị quyết toán dự án hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt; số dự án sử dụng vốn đầu tư công đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2023, dự kiến đến hết năm 2023; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

- Tình hình phê duyệt, bố trí kinh phí, tổ chức thực hiện và giải ngân vốn đầu tư từ các nguồn thu được để lại theo chế độ: nguồn thu phí, thu sự nghiệp công được để lại và nguồn thu hợp pháp khác, chi tiết từng lĩnh vực chi.

b) Đánh giá việc triển khai và tổ chức thực hiện dự toán chi ĐTPT theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP (không bao gồm nhiệm vụ tín dụng) theo từng chương trình, dự án, từng lĩnh vực chi:

- Tình hình phân bổ, giao, bổ sung dự toán (nếu có) và triển khai chi ĐTPT năm 2023 nguồn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (kể cả nguồn lấy lại từ số đã điều chuyển cho các nhiệm vụ trung hạn 2021-2025 trong năm 2022, nếu có).

- Trên cơ sở dự kiến tình hình thực hiện năm 2023, đánh giá tổng thể tình hình thực hiện các nhiệm vụ đầu tư theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong 02 năm 2022-2023, so với mục tiêu kế hoạch theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị giải pháp (nếu có).

c) Đánh giá việc thực hiện điều chỉnh giữa các nhiệm vụ, dự án sử dụng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn và các nhiệm vụ, dự án sử dụng nguồn vốn từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2022, 2023; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi ĐTPT của NSNN năm 2023 ngoài phạm vi Luật Đầu tư công (chi đầu tư theo Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, các nhiệm vụ theo các quyết định của cấp có thẩm quyền); Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao và thực hiện dự toán trong 6 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện cả năm 2023; tồn tại, khó khăn, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có)

3. Tình hình phân bổ, giao dự toán chi NSNN từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng của địa phương, thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Tình hình thực hiện xã hội hóa năm 2023

Đánh giá tình hình thực hiện năm 2023 về tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực xã hội hóa đầu tư theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân, kiến nghị (nếu có).

5. Đánh giá những tồn tại, khó khăn khi triển khai các quy định của pháp luật về đầu tư công, bao gồm cả những kiến nghị về cơ sở pháp lý trong bố trí thực hiện các nhiệm vụ chi ĐTPT.

III. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2023.

1. Tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi thường xuyên 6 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện cả năm 2023 chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao.

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, đề án, dự án lớn từ nguồn chi thường xuyên của NSNN trong 6 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2023; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý về cơ chế, chính sách trong tổ chức thực hiện, cụ thể:

a) Rà soát, xác định các nhiệm vụ, chính sách, chế độ kết thúc hoặc hết hiệu lực; kiến nghị bổ sung, sửa đổi các nhiệm vụ, chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

b) Đối với các chế độ, chính sách: Thực hiện theo Công văn số 3116/STC-NS ngày 14/7/2023 của Sở Tài chính; theo các biểu đính kèm.

c) Tình hình tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy: Kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2023, chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (Nghị quyết số 18-NQ/TW), Kết luận số 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (Kết luận số 28 - KL/TW), Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 (Kết luận số 40-KL/TW) và các văn bản liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó chi tiết:

- Số giảm biên chế, giảm đầu mỗi tổ chức bộ máy (đối với các trường hợp đánh giá đến hết năm 2023 chưa hoàn thành mục tiêu tại các Kết luận, Nghị quyết nêu trên, cơ quan, đơn vị giải trình cụ thể khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân).

- Số kinh phí NSNN tiết kiệm được do giảm biên chế, giảm tổ chức bộ máy, trong đó chi tiết số đã sử dụng để thực hiện cải cách tiền lương.

- Số kinh phí phải bố trí từ NSNN để thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo các quy định của Chính phủ.

d) Thực hiện đổi mới khu vực sự nghiệp công:

Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm theo các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (Nghị quyết số 19-NQ/TW), Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công (Nghị định số 60/2021/NĐ-CP) và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (Thông tư số 56/2022/TT-BTC).

đ) Đối với các chương trình, đề án, nhiệm vụ thường xuyên đã, đang thực hiện trong năm 2023: Đánh giá việc phê duyệt, bố trí kinh phí, kết quả thực hiện so với mục tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển tiếp (nếu có); trong đó chi tiết theo từng nhiệm vụ, đề án theo quyết định giao nhiệm vụ và kinh phí thực hiện tương ứng; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị (nếu có).

e) Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2023 của các cơ quan hành chính nhà nước đang được hưởng cơ chế đặc thù theo quy định hiện hành, chi tiết: quỹ lương (gồm lương ngạch bậc, các khoản đóng góp theo lương và lương đặc thù - nếu có), chi bộ máy, chi chuyên môn, nghiệp vụ;

theo từng nguồn kinh phí (nguồn NSNN, nguồn phí được để lại, nguồn thu nghiệp vụ và các nguồn hợp pháp khác); xác định các nhiệm vụ chi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên tiếp - nếu có; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp.

g) Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2023 từ nguồn thu phí và thu sự nghiệp công được để lại không đưa vào cân đối NSNN; nguồn hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị theo quy định, chi tiết từng lĩnh vực chi.

IV. Đánh giá tình hình thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình, dự án, đề án khác.

1. Đối với 03 chương trình mục tiêu quốc gia.

Trên cơ sở Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia, các cơ quan, đơn vị dự toán NSNN, đơn vị sử dụng NSNN, UBND các huyện, thị xã, thành phố đánh giá tình hình thực hiện phân bổ, sử dụng dự toán NSNN năm 2023, các năm trong giai đoạn 2021-2023; kết quả thực hiện mục tiêu giai đoạn 2021-2023 và khả năng hoàn thành mục tiêu giai đoạn 2021-2025 theo từng chương trình; thuận lợi, khó khăn, kiến nghị (nếu có). Trong đó:

a) Cơ quan chủ chương trình chủ trì, phối hợp với các cơ quan chủ dự án thành phần báo cáo kết quả xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện từng chương trình; đánh giá việc phân bổ, sử dụng dự toán NSNN, chi tiết theo các dự án thành phần, chi ĐTPT, chi thường xuyên, vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có) và việc chấp hành quy định về cân đối, bố trí vốn đối ứng của địa phương.

b) Cơ quan chủ quản chương trình (các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố) đánh giá tình hình ban hành văn bản tổ chức thực hiện các chương trình theo phân cấp; phân bổ, sử dụng dự toán NSNN (trong đó, các địa phương báo cáo về dự toán được hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, đối ứng của địa phương theo quy định), chi tiết theo các dự án thành phần, chi ĐTPT, chi thường xuyên, nguồn vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có).

c) Cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách đánh giá về tình hình phân bổ, sử dụng NSNN, chi tiết theo các dự án thành phần, chi ĐTPT, chi thường xuyên, vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có).

2. Đối với các chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước.

Đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi năm 2023, việc điều chỉnh, bổ sung năm 2023 (nếu có) theo Hiệp định, thỏa thuận đã ký kết, chi tiết theo từng nguồn vốn (vốn viện trợ ODA, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn

viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức); cơ chế tài chính, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có). Đối với vốn viện trợ không hoàn lại, đánh giá về việc tiếp nhận các khoản viện trợ mới phát sinh, chưa có trong dự toán, tiến độ về thủ tục bổ sung dự toán; đánh giá khó khăn, vướng mắc khi giao dự toán vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm khi không tách rõ cơ cấu giữa vốn vay và vốn viện trợ và đề xuất giải pháp triển khai.

Đánh giá kết quả giải ngân vốn ngoài nước, so sánh với dự toán được giao, làm rõ nguyên nhân của việc giải ngân chậm.

V. Báo cáo về tình hình thực hiện cải cách tiền lương năm 2023.

Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đánh giá việc thực hiện chính sách tạo nguồn chi cải cách tiền lương gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 78/2022/TT-BTC, Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ về quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn điều chỉnh mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức năm 2023; những khó khăn, vướng mắc trong việc trích lập tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2023. Ngoài ra, báo cáo một số nội dung sau:

- a) Quỹ lương, phụ cấp, trợ cấp ước thực hiện trong năm 2023.
- b) Nhu cầu kinh phí tăng thêm đến mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/người/tháng năm 2023.
- c) Nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp y tế cơ sở theo Nghị định số 05/2023/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ (***bao gồm cả nhu cầu năm 2022 và năm 2023***).
- d) Việc sử dụng nguồn lực của địa phương để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở từ ngày 01 tháng 07 năm 2023.

VI. Báo cáo cụ thể việc bố trí ngân sách và sử dụng dự phòng ngân sách thực hiện đến 30/6/2023 (chi tiết cấp huyện, thị xã, thành phố, cấp xã, phường, thị trấn), số dự kiến sử dụng trong 6 tháng cuối năm 2023 (chi tiết từng nội dung).

VII. Tình hình thực hiện các kiến nghị của cơ quan Kiểm toán nhà nước, Thanh tra trong lĩnh vực tài chính - ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công.

VIII. Đánh giá kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách năm 2023.

Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách báo cáo việc rà soát, cơ cấu lại, sáp nhập, dừng hoạt động hoặc giải

thể các quỹ hoạt động không hiệu quả, không đúng mục đích, trùng lặp về mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ hoặc không có khả năng độc lập về tài chính, trùng lặp nguồn thu, nhiệm vụ chi với NSNN; tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch thu - chi và các nhiệm vụ được giao 6 tháng và dự kiến cả năm 2023 gắn với hiệu quả hoạt động; các khó khăn, vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp xử lý.

IX. Đối với nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được để lại không đưa vào cân đối NSNN:

Để có cơ sở xây dựng dự toán NSNN năm 2024 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026, các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thị xã, thành phố đánh giá:

1. Các khoản thu của các đơn vị sự nghiệp công lập (ngoài nguồn NSNN), trên cơ sở đó xác định mức độ tự chủ của từng đơn vị; đánh giá các khoản thu phí được để lại theo quy định của pháp luật đối với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ bố trí từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được để lại không đưa vào cân đối NSNN trong năm 2023, chi tiết nhiệm vụ chi ĐTPT theo quy định (chi tiết nguồn phí và nguồn thu sự nghiệp được để lại, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị), nhiệm vụ chi thường xuyên và theo từng lĩnh vực chi

B. Xây dựng dự toán NSNN năm 2024

Xây dựng dự toán NSNN năm 2024 phải đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý thu, chi ngân sách; trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán NSNN; quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện và huy động các nguồn lực tương ứng các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành. Bố trí dự toán để thu hồi các khoản ứng trước chi NSNN đến hạn thu hồi trong năm theo quy định tại Điều 50 Luật NSNN.

Tập trung chỉ đạo, xử lý, giải quyết dứt điểm ngay từ khâu xây dựng dự toán những tồn tại, sai phạm trong quản lý tài chính, ngân sách đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiến nghị theo đúng quy định của pháp luật.

I. Xây dựng dự toán thu NSNN

1. Xây dựng dự toán thu nội địa.

- Phân đầu dự toán thu nội địa năm 2024 không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế bình quân tăng khoảng 5-7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2023 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách).

- Chấp hành nghiêm lập dự toán thu NSNN tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu, không dành dư địa để địa phương tự quy định giao chỉ tiêu phần đầu thu, lấy chỉ tiêu được HĐND tỉnh giao làm căn cứ chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ thu NSNN trên địa bàn. Phân tích đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu NSNN năm 2024 theo từng địa bàn, lĩnh vực thu, khoản thu, sắc thuế. Các địa phương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và cấp dưới trực thuộc phối hợp chặt chẽ trong công tác dự báo, xây dựng dự toán thu từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước), nâng cao chất lượng xây dựng dự toán, khắc phục tình trạng dự báo, xây dựng dự toán thu từ đất đai chưa sát với thực tế trong thời gian qua.

- Tổng hợp đầy đủ các nguồn thu thuộc phạm vi thu NSNN phát sinh trên địa bàn (bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, phường, thị trấn, các khoản thu thuế nhà thầu nước ngoài, nhà thầu trong nước khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, các khoản thuế từ các dự án mới được đưa vào sản xuất kinh doanh, các dự án hết thời gian ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp); đồng thời loại trừ các khoản theo quy định không thuộc nguồn thu cân đối NSNN trên cơ sở đánh giá đầy đủ thực tế thực hiện năm 2023, những đặc thù của năm 2024 và số kiểm tra dự toán thu năm 2024 được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

- Dự toán thu NSNN năm 2024 phải được xây dựng trên cơ sở hệ thống dữ liệu thông tin về đất đai, đối tượng nộp thuế, đảm bảo tính đúng, tính đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu đối với từng địa bàn, chi tiết số thu từ các dự án mới đi vào hoạt động có số thu lớn theo các quy định hiện hành về thuế, phí, lệ phí và thu khác NSNN.

- Toàn bộ số thu từ sắp xếp lại nhà đất, xử lý tài sản công, thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; thu NSNN từ giao quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý theo phương thức không tính thành vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ đi chi phí có liên quan) phải được lập dự toán đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật. Thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP.

- Dự toán các khoản thu phí, lệ phí (thuộc danh mục quy định của Luật Phí và lệ phí) chi tiết theo từng khoản thu theo quy định.

- Đối với khoản thu phí, thu dịch vụ sự nghiệp công, học phí, giá dịch vụ y tế, các khoản thu hợp pháp khác được để lại cho cơ quan, đơn vị sử dụng theo quy định không tổng hợp vào dự toán thu NSNN của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và địa phương, nhưng các cơ quan, đơn vị phải lập dự toán riêng, thuyết minh cơ sở tính toán và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo

cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

2. Xây dựng dự toán thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu:

Xây dựng dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân tối thiểu 4 - 6% so với đánh giá ước thực hiện năm 2023.

3. Xây dựng dự toán số hoàn thuế GTGT gắn liền với yêu cầu tăng cường công tác quản lý hoàn thuế, giám sát, kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế GTGT để đảm bảo đúng phát sinh thực tế, chính sách chế độ.

4. Dự toán thu NSNN cần dự kiến phần hoàn trả tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa làm giảm thu NSNN theo quy định của pháp luật.

5. Xây dựng dự toán thu viện trợ không hoàn lại: Căn cứ và bám sát vào tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2023 (số dự toán được giao, số vốn tiếp nhận từ nhà tài trợ, số vốn thực hiện); văn kiện của Chương trình, dự án, phi dự án hoặc khoản viện trợ đã được cấp có thẩm quyền Việt Nam phê duyệt; các văn bản về cam kết viện trợ, thư viện trợ hoặc văn bản về ý định viện trợ của nhà tài trợ; tiến độ triển khai thực tế, khả năng phát sinh và thực hiện mới trong năm, hạn chế tình trạng thiếu dự toán dẫn đến phải trình cấp thẩm quyền bổ sung hoặc thực hiện không hết dẫn đến phải hủy dự toán hoặc chuyển nguồn. Quá trình xây dựng dự toán thu NSNN đối với vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cần xác định tính chất chi đầu tư và chi thường xuyên, lĩnh vực chi, phân định rõ nguồn vốn (nếu có).

Đối với các khoản viện trợ đã tiếp nhận từ năm 2023 chưa có trong dự toán được giao, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và địa phương lập và tổng hợp vào dự toán năm 2024 để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, làm cơ sở để thực hiện hạch toán, quyết toán theo quy định.

II. Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2024

1. Nguyên tắc chung

a) Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2024 theo đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, các Luật có liên quan; các quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại NSNN, chủ trương sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đầu mối khu vực sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị.

b) Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hành tiết kiệm chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN.

c) Sát khả năng thực hiện, hạn chế tối đa việc hủy dự toán và chuyển nguồn sang năm sau. Trên cơ sở đánh giá thực hiện năm 2023, các cơ quan, đơn vị và địa phương chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lặp rà soát các

nhiệm vụ trùng lặp; nhiệm vụ dở dang tiếp tục thực hiện năm 2024; sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ phát sinh mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện, dự toán NSNN thực hiện phù hợp với khả năng huy động, cân đối các nguồn lực (bao gồm cả nguồn hợp pháp khác theo quy định); không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành.

2. Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển

a) Căn cứ quy định của Luật Đầu tư công; đánh giá thực hiện năm 2023 và kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025; xây dựng dự toán chi ĐTPT năm 2024, chi tiết nguồn cân đối NSDP (gồm chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết, chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP (nếu có)); dự toán chi các dự án sử dụng nguồn vốn ngoài nước (vốn vay, vốn viện trợ), trên cơ sở đó bố trí đủ vốn đối ứng theo quy định.

b) Đề xuất phương án bố trí vốn theo đúng thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Mức bố trí vốn cho từng nhiệm vụ phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án, bảo đảm phân bổ, giao chi tiết cho dự án trước ngày 31 tháng 12 năm 2023, khắc phục tình trạng phân bổ vốn manh mún, dàn trải, kém hiệu quả, đảm bảo tiến độ phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án theo đúng quy định.

c) Bố trí kinh phí để thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản nợ vay của NSDP phải trả khi đến hạn. Bố trí đủ vốn triển khai các dự án liên kết vùng, quan trọng có tác động lan tỏa mà đã cam kết bố trí vốn đối ứng theo quy định.

d) Căn cứ số đã thu, đã chi ĐTPT từ nguồn quản lý, sử dụng, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước nhưng chưa được quyết toán; số đã nộp NSNN các năm trước chưa sử dụng và dự toán thu NSNN từ nguồn quản lý, sử dụng, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước năm 2024, các cơ quan, đơn vị và địa phương lập dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu này theo quy định, trong đó, làm rõ các dự án đã hoàn thành chưa được quyết toán do chưa được bố trí dự toán ngân sách; các dự án được phê duyệt sử dụng từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã nộp ngân sách nhưng chưa sử dụng; các dự án dự kiến sử dụng nguồn thu này phát sinh trong năm 2024; tổng hợp trong dự toán chi ĐTPT của các cơ quan, đơn vị gửi cơ quan Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan Tài chính cùng cấp để tổng hợp dự toán NSNN trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị lập báo cáo riêng giải trình cụ thể về việc triển khai phương án quản lý, sử dụng, sắp xếp, xử lý nhà, đất, việc thu, nộp ngân sách và chi từ nguồn này đến năm 2023; cùng kế hoạch triển khai phương án quản lý, sử dụng, sắp xếp, xử lý nhà, đất năm 2024, dự toán số thu, nộp ngân

sách năm 2024 và chi từ nguồn này theo các nội dung trên gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

đ) Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; vốn hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quy định của Luật Đầu tư công và văn bản hướng dẫn. Ủy thác vốn NSDP qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

e) Đối với nguồn ngoài cân đối NSNN của các đơn vị sự nghiệp công lập:

Lập dự toán các nhiệm vụ ĐTPT theo quy định hiện hành (chi tiết nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị) theo từng lĩnh vực chi; gửi cơ quan quản lý cấp trên, tổng hợp báo cáo cơ quan đầu tư, tài chính cùng cấp.

g) Bố trí dự toán chi đầu tư phát triển từ nguồn thu xổ số kiến thiết: tiếp tục sử dụng toàn bộ nguồn thu từ xổ số kiến thiết cho đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề (bao gồm cả đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông) và lĩnh vực y tế; phần còn lại ưu tiên bố trí thực hiện các nhiệm vụ đầu tư phát triển quan trọng, cấp bách thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương, Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới.

h) Bố trí dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu tiền sử dụng đất, trong đó ưu tiên để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới.

3. Xây dựng dự toán chi thường xuyên:

3.1. Trên cơ sở Luật NSNN, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn, các văn bản pháp luật có liên quan; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và số kiểm tra dự toán thu, chi NSNN năm 2024; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022; chính sách, chế độ, định mức chi NSNN; các đề án, nhiệm vụ theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng dự toán chi thường xuyên theo từng lĩnh vực chi, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội. Trong đó, cần lưu ý:

a) Rà soát đầy đủ các chế độ, chính sách để đảm bảo xây dựng dự toán chính xác và thuyết minh cụ thể căn cứ, cơ sở tính toán.

b) Tăng cường trách nhiệm về tính chính xác của số liệu hoặc cơ sở tính của các chế độ, chính sách đối với từng ngành, lĩnh vực và địa phương. Khắc phục những tồn tại khi xây dựng dự toán quá cao so với khả năng cân đối của ngân sách địa phương như trùng lặp về đối tượng thụ hưởng; trùng lặp nhiệm vụ chi giữa các Chương trình, dự án; thiếu nhiệm vụ chi làm ảnh hưởng đến công

tác xây dựng dự toán chung của toàn tỉnh.

- Dự toán chi mua sắm tài sản cơ sở vật chất theo quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành; kinh phí sửa chữa bảo dưỡng, bảo trì cơ sở vật chất theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

- Đối với các nhiệm vụ về cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn (bao gồm cả các nhiệm vụ quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội), trừ lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo Nghị định 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016.

- Đối với dự toán kinh phí sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất, dự toán của các cơ quan, đơn vị và địa phương gửi kèm thuyết minh chi tiết về tên công trình; mục tiêu sửa chữa, bảo trì; sự cần thiết, lý do thực hiện; văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền; khối lượng công việc dự kiến; thời gian bắt đầu, kết thúc; dự toán kinh phí theo các nguồn vốn và phân kỳ thực hiện hàng năm.

c) Dự toán chi thường xuyên năm 2024 nguồn NSNN của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với việc triển khai Kết luận số 28 - KL/TW ngày 21/02/2022 về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, trên cơ sở đó, xác định cụ thể các tác động tăng hoặc giảm quỹ lương năm 2024 so với năm 2023; đảm bảo triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là chi mua sắm công, đi công tác trong và ngoài nước, sử dụng xe ô tô công, tổ chức hội nghị, hội thảo, nghiên cứu, khảo sát, tiết kiệm điện, xăng dầu.

Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể làm rõ:

- Số biên chế năm 2024 (nếu có), số biên chế thực có mặt đến thời điểm 01 tháng 7 năm 2023, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu biên chế năm 2024 nêu trên. Trường hợp năm 2024 chưa có chỉ tiêu biên chế được phê duyệt, xây dựng dự toán năm 2024 theo biên chế giai đoạn 2021-2026 đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Đồng thời, tiếp tục thực hiện giảm biên chế đối với các trường hợp đến hết năm 2023 chưa thực hiện được mục tiêu tại Kết luận số 28 - KL/TW của Bộ Chính trị hoặc theo biên chế năm 2023 đối với các trường hợp đã đạt mục tiêu tại Kết luận số 28-KL/TW.

- Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo: (i) Quỹ tiền lương theo chỉ tiêu biên chế được giao năm 2024, bao gồm quỹ lương của số biên chế thực có

mặt tính đến thời điểm 01 tháng 7 năm 2023, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển (nhưng vẫn trong tổng mức biên chế được giao), tính trên cơ sở lương 1.800.000 đồng/tháng và hệ số lương bậc 1 của công chức loại A1, các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định; (ii) Giảm quỹ tiền lương đối với các trường hợp phải tiếp tục tinh giản biên chế.

- Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù không thuộc các nhiệm vụ đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 972/2020/UBTVQH14 (cơ sở pháp lý, nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2024 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

- Cơ quan, đơn vị và địa phương lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật theo quy định (trong đó xác định rõ kinh phí bảo đảm xây dựng, hoàn thiện pháp luật là kinh phí đầu tư cơ bản cho hạ tầng pháp lý theo Quyết định số 04/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc theo Thông tư số 40/2023/TT-BTC ngày 09/6/2023 của Bộ Tài chính. Ưu tiên bố trí trong phạm vi dự toán được giao để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ này.

- Cơ quan, đơn vị xây dựng (kèm thuyết minh chi tiết), tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi thường xuyên liên quan tới xử lý tài sản công, sắp xếp, xử lý nhà đất, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (nếu có). Đối với kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP tổng hợp vào dự toán chi các hoạt động kinh tế của NSNN.

d) Dự toán chi hoạt động năm 2024 của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 và quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP. Trong đó: Không xây dựng dự toán chi thường xuyên NSNN hỗ trợ cho các dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành lộ trình giá, phí từ năm 2023 trở về trước hoặc dự kiến hoàn thành trong năm 2024.

đ) Đối với dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ, các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác: các cơ quan cấp tỉnh và địa phương hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc lập, tổng hợp dự toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan. Trong đó lưu ý, đối với các nhiệm vụ sửa chữa tài sản cố định không thường xuyên được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nhiệm vụ mua sắm trang thiết bị, tăng cường cơ sở vật chất, tăng cường năng lực; nhiệm vụ thực hiện hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (phát triển công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu; các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ quốc gia dùng chung; an toàn, an ninh mạng,...), các cơ quan cấp

tỉnh và địa phương chi tiết về hồ sơ trình phê duyệt, quyết định phê duyệt, tổng kinh phí thực hiện, thời gian thực hiện, tiến độ thực hiện đến nay (nếu có); tính chất nguồn vốn và đề xuất việc xử lý thực hiện gửi các cơ quan tài chính để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

g) Cơ quan, đơn vị xây dựng (kèm thuyết minh chi tiết), tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi thường xuyên liên quan tới xử lý tài sản công, sắp xếp, xử lý nhà đất, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (nếu có). Đối với kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP và Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 148/2021/NĐ-CP, tổng hợp vào dự toán chi các hoạt động kinh tế của NSNN.

3.2. Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

- Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao biên chế: thực hiện theo quy định.

- Đối với các hội quần chúng khác bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí, hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật; NSNN hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

3.3. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, đồng thời với việc lập dự toán chi NSNN năm 2024 (phần Sở trực tiếp thực hiện), cần tính toán, đánh giá tình hình, xác định tổng nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách được cấp có thẩm quyền ban hành và có hiệu lực trong năm 2024 trên phạm vi toàn tỉnh, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

3.4. Xây dựng dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án, đề án khác:

a) Căn cứ Luật NSNN, Luật Đầu tư công, trên cơ sở các Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, văn bản hướng dẫn của cơ quan chức năng, khả năng triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021-2023, số kiểm tra được thông báo, các cơ quan là chủ chương trình chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị chủ quản chương trình, chủ dự án thành phần xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2024 theo từng cơ quan, đơn vị và từng địa phương, chi tiết nhiệm vụ chi ĐTPT, chi thường xuyên theo từng lĩnh vực chi, nguồn NSTW, NSDP, nguồn lồng ghép các chương trình, đề án khác, các nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính cùng với báo cáo dự toán NSNN năm 2024 và kế hoạch 3 năm 2024-2026 của cơ quan, đơn vị.

b) Đối với các chương trình, dự án, đề án khác: Các cơ quan cấp tỉnh căn cứ quyết định phê duyệt, văn bản hướng dẫn, tình hình triển khai thực hiện năm 2023, thực hiện lập dự toán, tổng hợp chung vào báo cáo dự toán chi thường xuyên năm 2024 chi tiết theo từng lĩnh vực chi theo quy định về quản lý NSNN,

kèm thuyết minh cụ thể.

3.5. Dự toán chi tạo nguồn cải cách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng (phần NSNN đảm bảo), trợ cấp ưu đãi người có công:

a) Các cơ quan, đơn vị lập dự toán chi tạo nguồn cải cách tiền lương từ tiết kiệm chi thường xuyên và một phần thu sự nghiệp theo quy định của Nghị quyết số 27-NQ/TW.

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết 27-NQ/TW và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, trong đó, phải tự đảm bảo phần tiền lương tăng thêm phù hợp với mức tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên của đơn vị.

c) Các địa phương tổng hợp, báo cáo dự toán chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương.

d) Đối với kinh phí điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng (phần NSNN đảm bảo), trợ cấp ưu đãi người có công, các cơ quan, đơn vị căn cứ vào nhiệm vụ, chức năng được giao thực hiện lập dự toán chi theo chế độ nhà nước quy định.

3.6. Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế:

Việc lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2024 theo quy định của Chính phủ và văn bản hướng dẫn thực hiện.

3.7. Đối với dự toán chi sự nghiệp từ nguồn thu được để lại theo chế độ: Các cơ quan, đơn vị và các địa phương thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại báo cáo cấp có thẩm quyền theo biểu mẫu quy định tại Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, nhưng không tổng hợp vào dự toán chi NSNN của các cơ quan, đơn vị và địa phương.

3.8. Căn cứ số kiểm tra thu, chi ngân sách năm 2024, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng dự toán chi chặt chẽ, chi tiết theo từng lĩnh vực quy định tại Luật NSNN, từng nhiệm vụ, từng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc; sau khi làm việc với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan, đơn vị, huyện, thị xã, thành phố triển khai ngay công tác lập phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2024 của cơ quan, địa phương mình, để khi nhận dự toán ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh giao, chủ động trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ theo từng lĩnh vực và giao dự toán ngân sách đến đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo thời gian theo đúng quy định của Luật NSNN.

3.9. Về xây dựng dự toán để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương và tỉnh ban hành: xác định kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng cho cả 12 tháng năm 2024. Đối với từng chính sách, đề nghị thuyết minh chi tiết cơ sở xác định đối tượng, nhu cầu

kinh phí (đối tượng xây dựng dự toán năm 2024 được xác định trên cơ sở số đối tượng ước thực hiện năm 2023, đã tính tới các yếu tố dự kiến phát sinh tăng/giảm đối tượng trong năm 2024). Mẫu biểu xây dựng dự toán chi từng chính sách năm 2024 thực hiện theo Công văn số 3116/STC-NS ngày 14/7/2023 của Sở Tài chính; theo mẫu biểu đính kèm.

3.10. Chi trả nợ lãi, phí và chi phí khác: Xây dựng dự toán thành một mục chi riêng trong chi cân đối NSDP, đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời các khoản nợ đến hạn; kèm theo thuyết minh mức chi trả chi tiết theo từng nguồn vốn vay (nếu có), gồm: nguồn vay nước ngoài Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, tín dụng phát triển, phát hành trái phiếu chính quyền địa phương.

3.11. Xây dựng dự toán số bội chi/bội thu, kế hoạch vay, trả nợ gốc và trả nợ lãi, phí của NSDP theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn.

4. Xây dựng kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách dự kiến kế hoạch cơ cấu lại, sáp nhập, dừng, giải thể các quỹ hoạt động không hiệu quả, chưa theo đúng quy định của pháp luật trong năm 2024; lập kế hoạch thu - chi tài chính năm 2024 đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách còn tiếp tục hoạt động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật NSNN và quy định của pháp luật có liên quan, gửi kèm báo cáo dự toán NSNN năm 2023 của cơ quan, đơn vị mình tới cơ quan tài chính cùng cấp (trong đó, thuyết minh chi tiết về số dư đầu năm; số phát sinh thu từ NSNN cấp, từ huy động, tài trợ,... trong năm; số chi cho các nhiệm vụ trong năm; tình hình biến động về vốn điều lệ, nguồn vốn hoạt động của các Quỹ này).

C. Lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024 - 2026 và đánh giá khả năng thực hiện kế hoạch 05 năm giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện theo nội dung từ Điều 22 đến Điều 26 Thông tư số 51/2023/TT- BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính.

D. Biểu mẫu báo cáo, thời gian báo cáo:

I. Đối với dự toán năm 2024:

1. Áp dụng mẫu biểu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP (trong đó lưu ý, các lĩnh vực sự nghiệp áp dụng mẫu biểu số 12.1 đến 12.5) và các biểu mẫu đính kèm Công văn này.

2. Đối với dự toán các chính sách an sinh xã hội: lập theo biểu mẫu đính kèm (bao gồm: năm 2022, năm 2023)

3. Đối với dự toán thu, chi NSNN từ sắp xếp lại, xử lý nhà đất được lập chi tiết theo các mẫu biểu đính kèm Công văn này.

II. Đối với kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026:

Áp dụng các mẫu biểu từ số 01 đến số 06 và mẫu biểu từ số 13 đến số 19 quy định tại Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm.

III. Thời gian gửi báo cáo:

Đề nghị các đơn vị gửi báo cáo đánh giá dự toán NSNN năm 2023, xây dựng dự toán NSNN năm 2024, lập kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026 về Sở Tài chính **trước ngày 15/8/2023** để Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính theo quy định.

Trong quá trình tổng hợp số liệu theo biểu mẫu đính kèm, đề nghị đơn vị không tự ý điều chỉnh biểu mẫu đã quy định tại các Nghị định, Thông tư; Các chính sách an sinh xã hội năm 2024 thì đề nghị đơn vị thực hiện báo cáo như các biểu chi tiết của năm 2023.

Sở Tài chính rất mong nhận được sự phối hợp của Quý cơ quan, đơn vị, địa phương giúp Sở Tài chính hoàn thành nhiệm vụ./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử Sở;
- Phòng TC KH các huyện, TX, TP;
- Lưu: VP, NS.